

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 11/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 1 - 1,5%/năm.
- Đến cuối năm 2025, phần đầu tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh đáp ứng tiêu chí thoát khỏi huyện nghèo; xã Vạn Thạnh (huyện Vạn Ninh) thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Các kết quả và chỉ tiêu

- 100% các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phân đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

3.2. Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Chiều thiếu hụt về việc làm

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn có nhu cầu được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

+ Người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ và đào tạo; trong đó, có lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo); hỗ trợ người lao động tham gia các khoá đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xuống dưới 30%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: 100% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%; trong đó, có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: Trên 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, Internet; trên 90% các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh, trong đó ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Kế hoạch: Từ nay đến hết năm 2025.

III. TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Mục tiêu

Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang,

ven biển và hải đảo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đối tượng

+ Các huyện nghèo theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Nội dung hỗ trợ

Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn nghèo; cụ thể:

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất; các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia; các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia; các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; công trình thủy lợi phục vụ sản xuất; các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa - thể thao; các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (công trình đầu tư cấp xã, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: Công trình y tế cấp xã đạt chuẩn quốc gia theo quy định; công trình, cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; phòng học kiên cố cho nhà trẻ, lớp mẫu giáo; công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân (nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ); công trình giao thông đường trục chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện; cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa; công trình thủy lợi nhỏ do xã quản lý được kiên cố hóa, phục vụ sản xuất, dân sinh; công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã; công trình thích ứng với biến đổi khí hậu đối với vùng ngập mặn và vùng thường xuyên bị bão, lũ; các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi

ngang, ven biển và hải đảo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình ở cấp xã và thôn, bản phải đảm bảo tính kết nối giữa các thôn, giữa các thôn với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân các huyện nghèo, huyện có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn

+ Ngân sách Trung ương: 405.627 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 400.935 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 4.692 triệu đồng

+ Ngân sách địa phương: Đối ứng 15% từ ngân sách địa phương đối với:

- Vốn đầu tư phát triển: 60.139 triệu đồng;
- Vốn sự nghiệp: 704 triệu đồng.

1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022

- Mục tiêu

Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

- Phạm vi thực hiện: Huyện Khánh Sơn.

- Nội dung hỗ trợ: Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu, bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã trên địa bàn huyện Khánh Sơn phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Ngân sách trung ương phân bổ.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

2.1. Mục tiêu

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

2.2. Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

2.3. Nội dung hỗ trợ

Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ; Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm; hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả; tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi

dự toán được giao; xây dựng, quản lý dự án.

2.4. Phân công thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các phòng, ban có liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2.5. Vốn và nguồn vốn

Ngân sách địa phương: 13.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu

Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ

+ Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật theo các lĩnh vực quy định.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

• Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

• Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

• Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

• Khai thác ngư nghiệp: Hỗ trợ hầm bảo quản thủy sản khai thác trên tàu cá; ngư cụ đánh bắt;

- Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

- Diêm nghiệp: Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến muối.

- + Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Phân công thực hiện

- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

- + Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn

- + Ngân sách địa phương: 31.200 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- + Vốn huy động hợp pháp: 8.000 triệu đồng/năm (vốn vay Ngân hàng Chính sách, vốn người dân đóng góp...).

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Đối tượng

- + Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- + Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Nội dung hỗ trợ

- + Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- + Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Phân công thực hiện

- + Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;
- + Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Trung tâm Y tế chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Dự kiến vốn và nguồn vốn: Ngân sách địa phương: 5.350 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, khó khăn

- Mục tiêu

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện nghèo.

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn huyện nghèo.

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện nghèo.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn có huyện nghèo.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn

Ngân sách địa phương: 16.640 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Mục tiêu

Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Đối tượng

+ Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Nội dung hỗ trợ

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, người lao động là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC).

+ Người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề và hỗ trợ các chi phí khác theo khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

+ Người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Hỗ trợ tiền đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề.

+ Người lao động và thân nhân của người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn để tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Ngân sách địa phương: 19.550 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Mục tiêu

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Đối tượng

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

+ Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn huyện nghèo và cơ quan, tổ chức có liên quan.

+ Cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu “việc tìm người - người tìm việc”; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác, gồm: Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin; thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu về “việc tìm người - người tìm việc”, cơ sở dữ liệu về người lao động (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu), hệ thống thông tin quản lý lao động; triển khai, xây dựng, phát triển ứng dụng điện tử đăng ký “việc tìm người – người tìm việc”; đăng ký việc làm; thu thập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu; lưu trữ, bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức bộ máy nhân sự, vận hành, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động; vận hành, hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động; các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm, gồm: Tổ chức các phiên giao dịch việc làm; khảo sát, thu thập, thống kê thông tin thị trường lao động phục vụ tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm; thông tin, tuyên truyền nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động và thu hút người lao động, người sử dụng lao động tham gia các hoạt động giao dịch việc làm; tập huấn, hướng dẫn tổ chức các giao dịch việc làm; xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ về việc làm, thị trường lao động.

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động: Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động; xây dựng báo cáo/chuyên đề phân tích dự báo, xây dựng mô hình dự báo thị trường lao động; tổ chức hội thảo phục vụ phân tích, dự báo thị trường lao động và công bố kết quả phân tích, dự báo thị trường lao động; xuất bản các ấn phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động; tập huấn, hướng dẫn thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công: Hỗ trợ kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động) cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn: Ngân sách địa phương, trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 7.160 triệu đồng;

+ Vốn đầu tư phát triển: 6.000 triệu đồng.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

5.1. Mục tiêu

Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

5.2. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

- Đối tượng thụ hưởng hỗ trợ nhà ở không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5.3. Nội dung hỗ trợ

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

5.4. Phân công thực hiện

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế hạ tầng chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5.5. Vốn và nguồn vốn:

- Ngân sách địa phương: 50.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp);
- Nguồn huy động: 180.000 triệu đồng.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo có hệ thống đài

truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

+ Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo.

- Phân công thực hiện

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn

Ngân sách địa phương: 2.400 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Ngân sách địa phương: 1.300 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung

+ Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo;

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Dự kiến vốn và nguồn vốn: Ngân sách địa phương: 2.300 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu

+ Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và áp dụng phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo.

- Phân công thực hiện

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Dự kiến vốn và nguồn vốn: Ngân sách địa phương: 1.700 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

IV. TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện: 811.570 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 405.627 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 400.935 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: 4.692 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 405.943 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 66.139 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: 151.804 triệu đồng;

+ Vốn huy động: 188.000 triệu đồng.

2. Có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo đảm hiệu quả.

3. Kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch được phân bổ theo các quy định tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021- 2025.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về nguyên tắc thực hiện

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Kế hoạch để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

c) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

d) Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

c) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền

vững trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

3.1. Về cơ chế quản lý

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 để thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện cho phù hợp.

3.2. Về cơ chế thực hiện

a) Cơ chế đặc thù thực hiện Kế hoạch Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ, của tỉnh về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Kế hoạch. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

c) Thực hiện cơ chế đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Kế hoạch;

d) Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Kế hoạch; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Kế hoạch trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

đ) Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí, đối ứng ngân sách tỉnh, xây dựng Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra;

e) Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Kế hoạch; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

4. Về công tác tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người

nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

b) Đổi mới phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

c) Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Kế hoạch cho các huyện, thị xã, thành phố, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

d) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch.

e) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Kế hoạch thực hiện Chương trình.

b) Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh cho Kế hoạch theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình; Sở Tài chính tổng hợp, cân đối nguồn, tham mưu UBND tỉnh bố trí hoặc hướng dẫn nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

b) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính về cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình, thực hiện hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách địa phương thực hiện Kế hoạch.

4. Các cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Kế hoạch:

a) Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm giao thực hiện đối với dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

b) Lập kế hoạch nhu cầu vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

c) Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc nội dung được phân công chủ trì.

d) Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương.

đ) Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Kế hoạch chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

g) Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

h) Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện các nội dung của các sở, ngành.

i) Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

5. Các cơ quan tham gia thực hiện Kế hoạch: Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Kế hoạch với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

6. Các cơ quan thông tin và truyền thông có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo, thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp theo yêu cầu như đối với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. Phòng Lao động - Thương binh và

Xã hội là cơ quan chủ trì, điều phối Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm các nội dung: Kế hoạch thực hiện Chương trình, dự kiến kinh phí và gửi cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần, cơ quan chủ trì Kế hoạch và các cơ quan liên quan theo quy định.

c) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Kế hoạch.

d) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

đ) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

e) Hướng dẫn tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

g) Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Kế hoạch trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. TỰ; TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- UB MTTQVN tỉnh và đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TmN, HN, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thiệu